TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHƯỚC** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29/10/2019
V/v tranh chấp *"xin ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Chí Khanh**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thanh Dũ**

Bà **Trần Thị Liễu**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Minh Thành** – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước tham gia phiên tòa: Ông **Lê Trung Hiếu** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Phước mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 129/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp "xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2019/QĐXX-ST ngày 16 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2019/QĐ-HPT ngày 07/10/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Kiêm H**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh T; Chổ ở hiện nay: ấp K, xã M, thị xã C, tỉnh T.

2. Bị đơn: Anh **Lê Bá N**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh T.

- Chị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.
- Anh N vắng mặt không lý do dù được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, Bản tự khai cùng ngày 26/6/2019 nguyên đơn chị Lê Thị Kiêm H trình bày: Tôi và anh Lê Bá N cưới nhau vào năm 2011, có quen biết tìm hiểu trước và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau khi cưới nhau được 06 tháng thì anh N bắt đầu rượu chè bê tha, không lo gia đình, nhiều lần đi nhậu về kiếm chuyện đánh đập, hâm dọa giết tôi, buộc tôi phải đưa tiền cho anh N tiêu xài. Tôi đã nhiều lần bỏ đi nhưng do cha mẹ khuyên can nên tôi trở lại, nhưng anh N vẫn không sữa chửa. Vợ chồng ly thân nhau từ tháng 01/2019 đến nay mà không hàn gắn được gì, tôi đã về nhà cha mẹ ruột tôi ở thị xã C sống cho đến nay, nên tôi

không thể tiếp tục chung sống với anh N được nữa. Về con chung: Có một con chung là Lê Thị Khả V, sinh ngày 16/5/2012, hiện đang sống với tôi; Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: không có.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Lê Bá N; Về con chung: Yêu cầu tiếp tục nuôi một con chung là Lê Thị Khả V, sinh ngày 16/5/2012. Không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: không có.

- Ngày 12/8/2019 nguyên đơn chị Lê Thị Kiêm H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn anh Lê Bá N đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của chị H và cũng được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để hòa giải nhưng anh N vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản, ý kiến trả lời theo thông báo của Tòa án.

* Tại phiên tòa hôm nay:

Chị H và anh N vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu xác định Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kiêm H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Hội đồng xét thấy theo đơn khởi kiện và yêu cầu của chị Lê Thị Kiêm H, thì chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Phước giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Bá N. Anh Lê Bá N hiện đang cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh T. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước theo qui định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp "Ly hôn" qui định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn chị Lê Thị Kiêm H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn anh Lê Bá N không có yêu cầu phản tố và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để xét xử nhưng anh N vẫn vắng mặt hai lần không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn chị Lê Thị Kiêm H và bị đơn anh Lê Bá N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án chị Lê Thị Kiêm H yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Bá N. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Kiêm H, Hội đồng xét xử xét thấy chị H và anh N có quen biết tìm hiểu trước và cưới nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn. Chị H xác định thời gian đầu anh, chị chung sống hạnh phúc, sau khi cưới nhau được 06 tháng thì anh N bắt đầu rượu chè bê tha, không lo gia đình, nhiều lần đi nhậu về kiếm chuyện đánh đập, hâm dọa giết chị, buộc chị phải

đưa tiền cho anh N tiêu xài. Chị đã nhiều lần bỏ đi nhưng do cha mẹ khuyên can nên trở lại chung sống, nhưng anh N vẫn không sữa chửa. Vợ chồng ly thân nhau từ tháng 01/2019 đến nay mà không hàn gắn được gì, chị đã về nhà cha mẹ ruột ở thị xã C sống cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy thực tế thời gian ly thân của chị H và anh N từ tháng 01/2019 đến nay cũng đã lâu, trong thời gian ly thân nhau, chị H và anh N cũng không có một động thái nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị H xin được ly hôn đối với anh N vì tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Bị đơn anh Lê Bá N đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của chị H và cũng được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để hòa giải nhưng anh N vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản, ý kiến trả lời theo thông báo của Tòa án; Tòa án cũng đã Thông báo cho anh N biết về kết quả phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng anh cũng tiếp tục không có ý kiến, như vậy là anh N biết được việc chị H kiện yêu cầu xin ly hôn với anh nhưng anh N vẫn mặc nhận. Như vậy chứng tỏ anh N đã không còn tình cảm đối với chị H. Tại biên bản lấy lời khai của ông Lê Văn X là cha ruột chị H (BL số 16), thì ông X xác định chị H và anh N thường hay mâu thuẫn cải vã do N rượu chè bê tha, không lo gia đình, nhiều lần đi nhậu về kiếm chuyện đánh đập, hâm dọa giết chị H. Do không chịu nổi nên đã nhiều lần H bỏ đi nhưng do cha mẹ khuyên can nên trở lại chung sống, nhưng N vẫn không sữa chửa. Vợ chồng ly thân nhau từ tháng 01/2019 đến nay mà không hàn gắn được gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh N là đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị Lê Thị Kiêm H được ly hôn anh Lê Bá N là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị H và anh N có một con chung là Lê Thị Khả V, sinh ngày 16/5/2012, hiện đang sống với chị H. Chị H yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi ly thân nhau cho đến nay, cháu V hiện đang sống với chị H ổn định. Chị H cũng có điều kiện để nuôi dạy con tốt. Thời gian ly thân anh N cũng không có thăm nom, chăm sóc con chung. Quá trình giải quyết vụ án anh N cũng không có tranh chấp gì về việc nuôi con chung. Lời khai của cháu V yêu cầu được sống với mẹ. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cho chị H nuôi con chung giữa chị và anh N là phù hợp, đảm bảo cuộc sống cho cháu V.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H cũng không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết và không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có ghi nhận khi khị án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

- Chấp nhận cho chị Lê Thị Kiêm H được ly hôn với anh Lê Bá N.

2. Về con chung:

- Giao cho chị Lê Thị Kiêm H được tiếp tục nuôi một con chung giữa chị và anh Lê Bá N là cháu Lê Thị Khả V, sinh ngày 16/5/2012. Anh Lê Bá N không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Lê Thị Kiêm H chưa có yêu cầu.

Anh Lê Bá N có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền tranh cản.

3. Về án phí:

Chị Lê Thị Kiêm H phải chịu 300.000đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu số 19894 ngày 26/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, xem như chị H thi hành xong tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị H và anh N được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Chí Khanh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- UBND xã T;
- Các đương sự:
  + Lê Thị Kiêm H
  + Lê Bá N
- Lưu.